

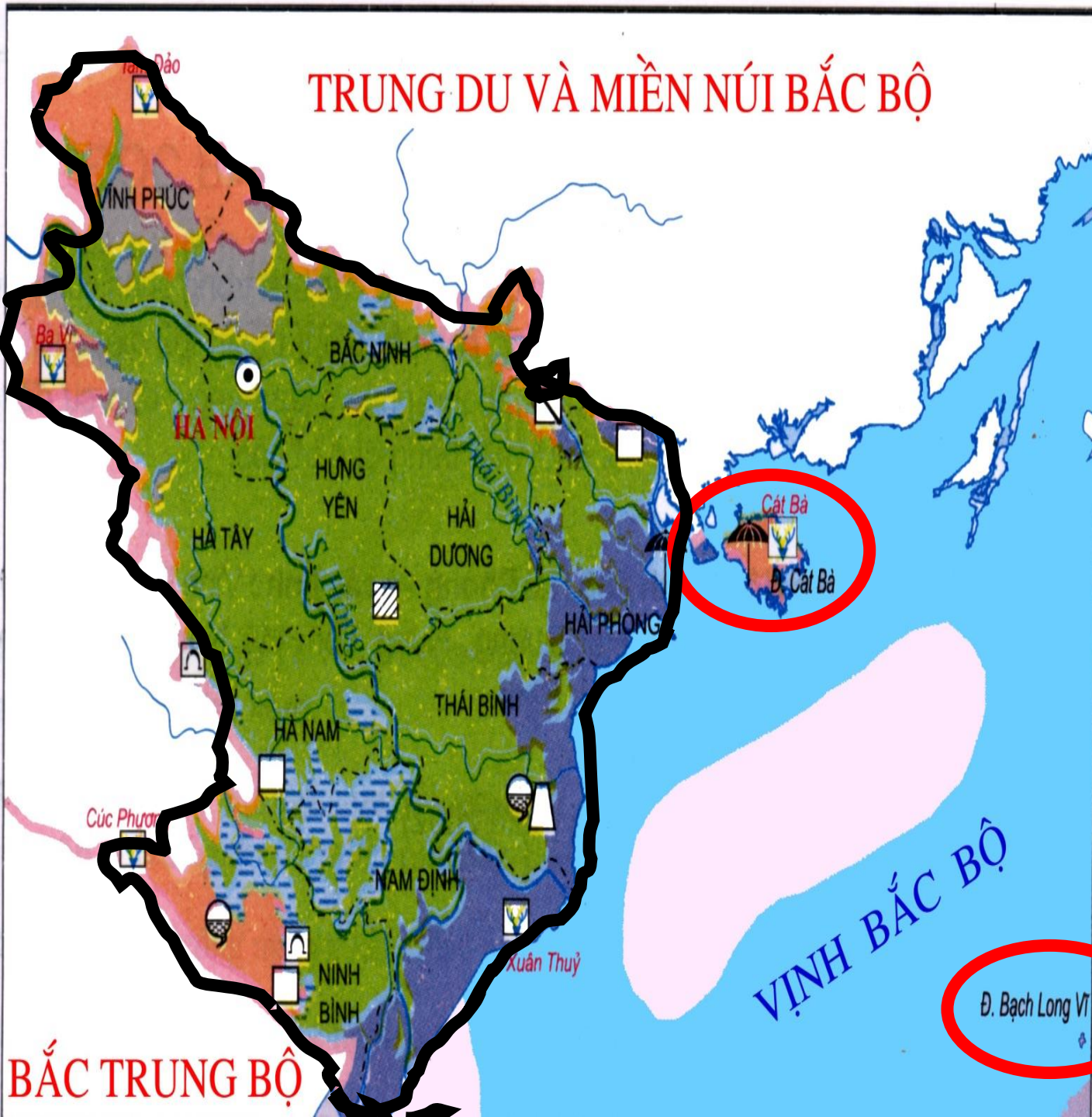
Bài 20

VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ GIỚI HẠN LÃNH THỔ

II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

III. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI (Học sinh tự học)



- Xác định vị trí vùng Đồng bằng sông Hồng (tiếp giáp....)
- Vị trí đảo Cát Bà và Bạch Long Vĩ.
- Kể tên các tỉnh, thành phố trong vùng II.
- Thống kê về diện tích, dân số → tính mật độ dân số của vùng II.

I. Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ

- Diện tích: 14.806 km².

- Tiếp giáp:

+ Phía Bắc, Đông Bắc, phía Tây giáp Trung du và miền núi Bắc Bộ.

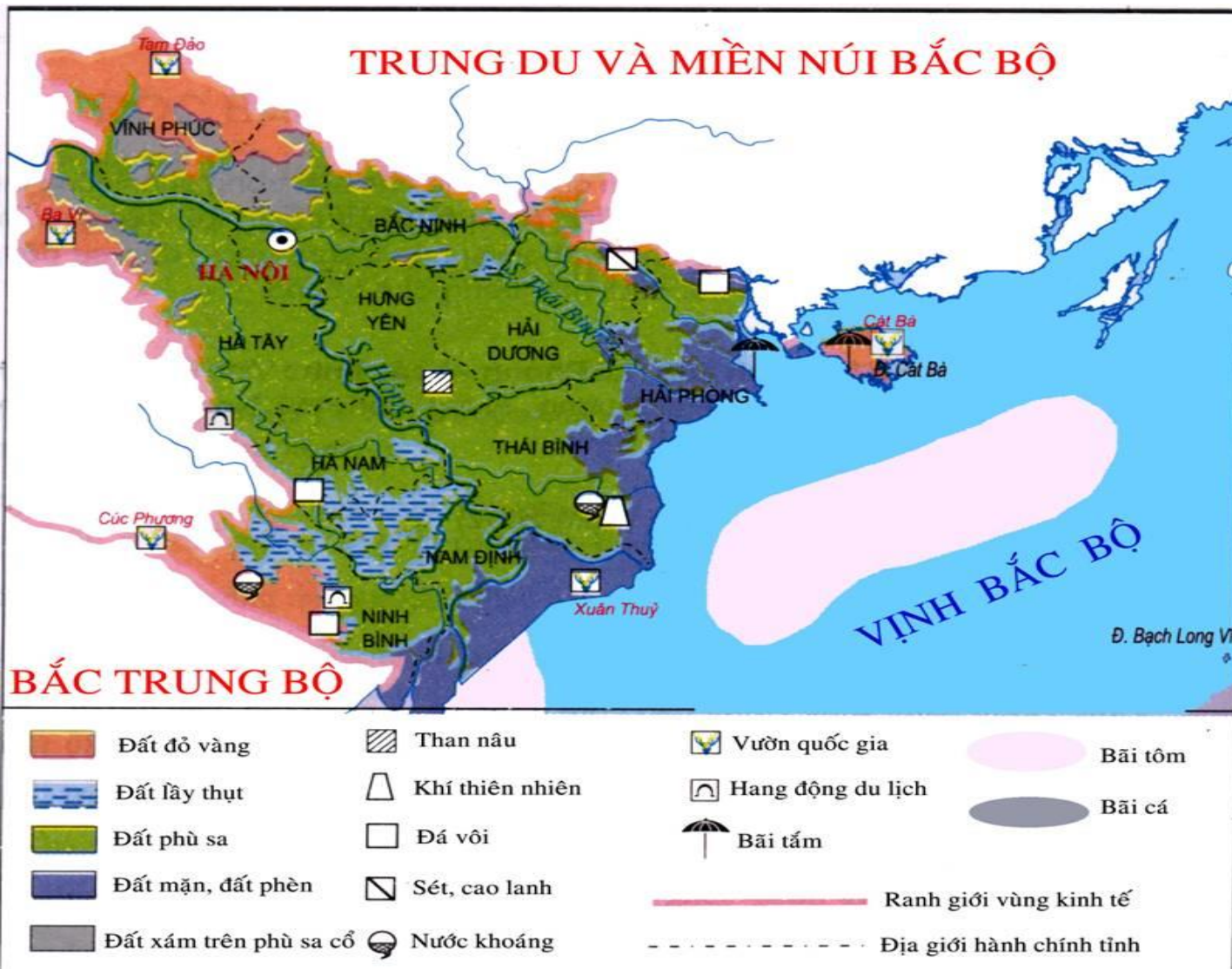
+ Phía Nam giáp Bắc Trung Bộ.

+ Phía Đông Nam giáp Vịnh Bắc Bộ.

- Đồng bằng châu thổ lớn thứ hai của đất nước. (Có hai đảo lớn Cát Bà và Bạch Long Vĩ)

- Ý nghĩa: Thuận lợi cho lưu thông, trao đổi với các vùng khác và thế giới.

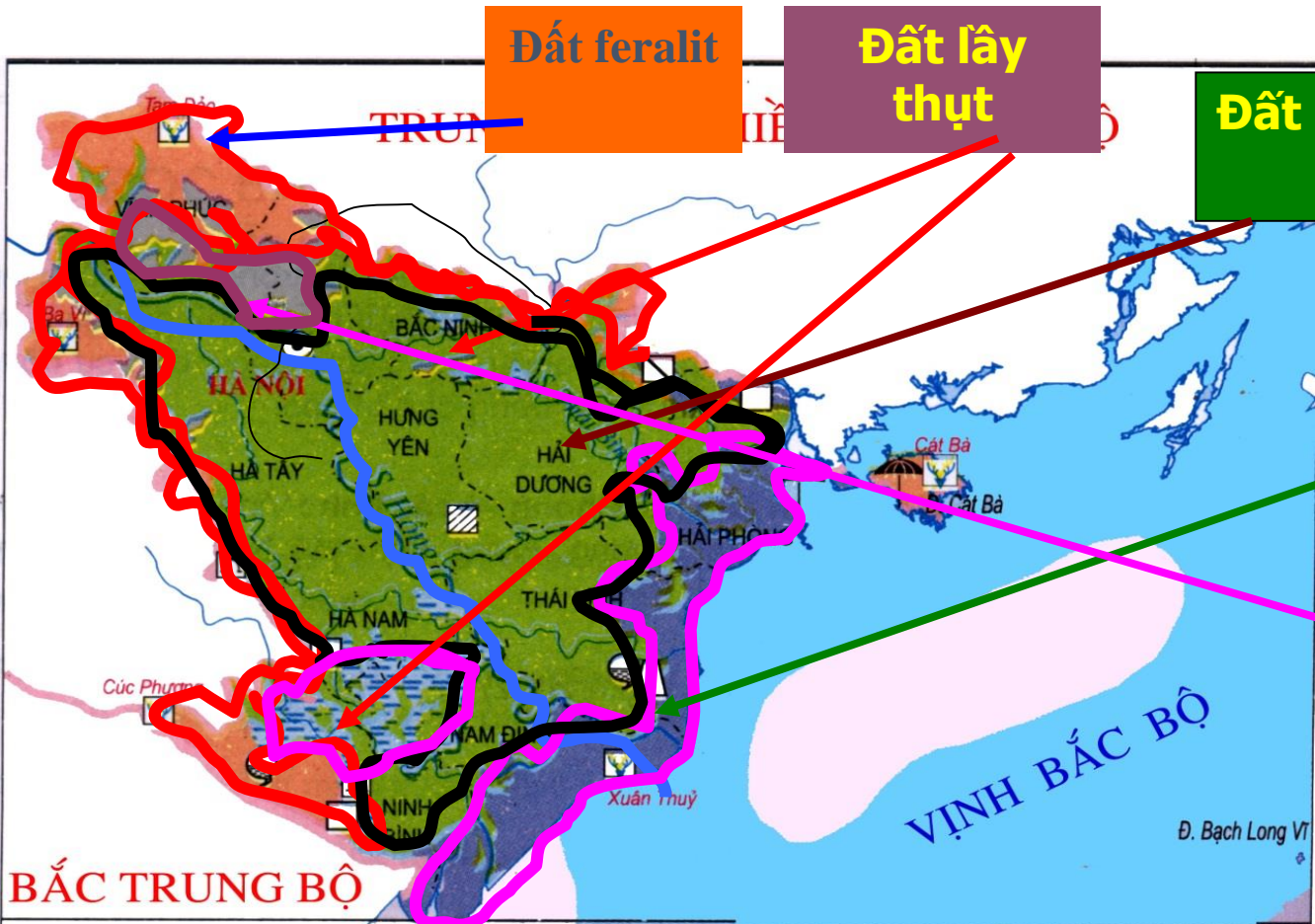
II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên



Hình 20.1 LƯỢC ĐỒ TỰ NHIÊN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Tìm hiểu mục II về các nội dung:

- Đặc điểm (Nguyên nhân hình thành vùng II, khí hậu, nguồn nước, đất, vùng biển)**
- Thuận lợi**
 - Phát triển các ngành kinh tế nào? Giải thích.
- Khó khăn**
 - Nêu các khó khăn về tự nhiên của vùng II.



Đất feralit

Đất lầy thụt

Đất phù sa

Đất mặn, đất phèn

Đất xám trên phù sa cổ

Kể tên và nêu sự phân bố các loại đất ở Đồng bằng sông Hồng.

Đất đỏ vàng	Than nâu	Vườn quốc gia	Bãi tôm
Đất lầy thụt	Khí thiên nhiên	Hang động du lịch	Bãi cá
Đất phù sa	Đá vôi	Bãi tắm	
Đất mặn, đất phèn	Sét, cao lanh	Ranh giới vùng kinh tế	
Đất xám trên phù sa cổ	Nước khoáng	Địa giới hành chính tỉnh	



Hình 20.1 LƯỢC ĐỒ TỰ NHIÊN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG



*** Thuận lợi:** Đất phù sa màu mỡ, điều kiện khí hậu, thủy văn thuận lợi cho thâm canh lúa nước.







NGÔ ĐÔNG



KHOAI TÂY

Thời tiết mùa đông thuận lợi trồng 1 số cây ưa lạnh: ngô đông, khoai tây, bắp cải, su hào,...



SU HÀO



BẮP CẢI



Vùng biển giàu tiềm năng phát triển tổng hợp kinh tế biển, đảo: nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, du lịch...



THAN NÂU



210 tỷ tấn than trong lòng
Đồng bằng Sông Hồng

Khoáng sản: đá vôi, than nâu, khí tự nhiên.



ĐÁ VÔI









VQG CÁT BÀ



VQG XUÂN THỦY

Nhiều bãi biển đẹp và vườn quốc gia để phát triển du lịch



BÃI BIỂN CÁT BÀ

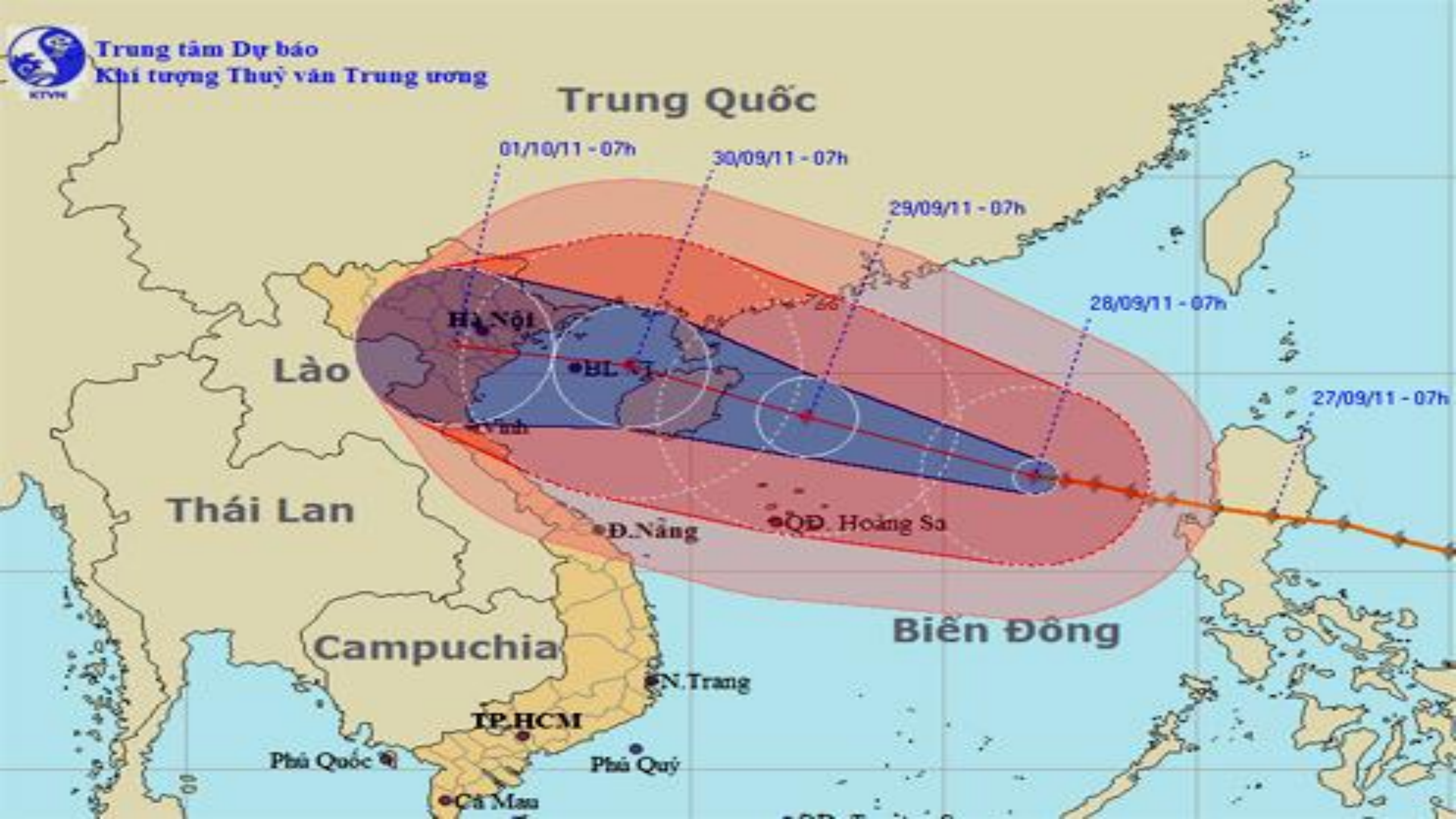


BÃI BIỂN ĐỒ SƠN

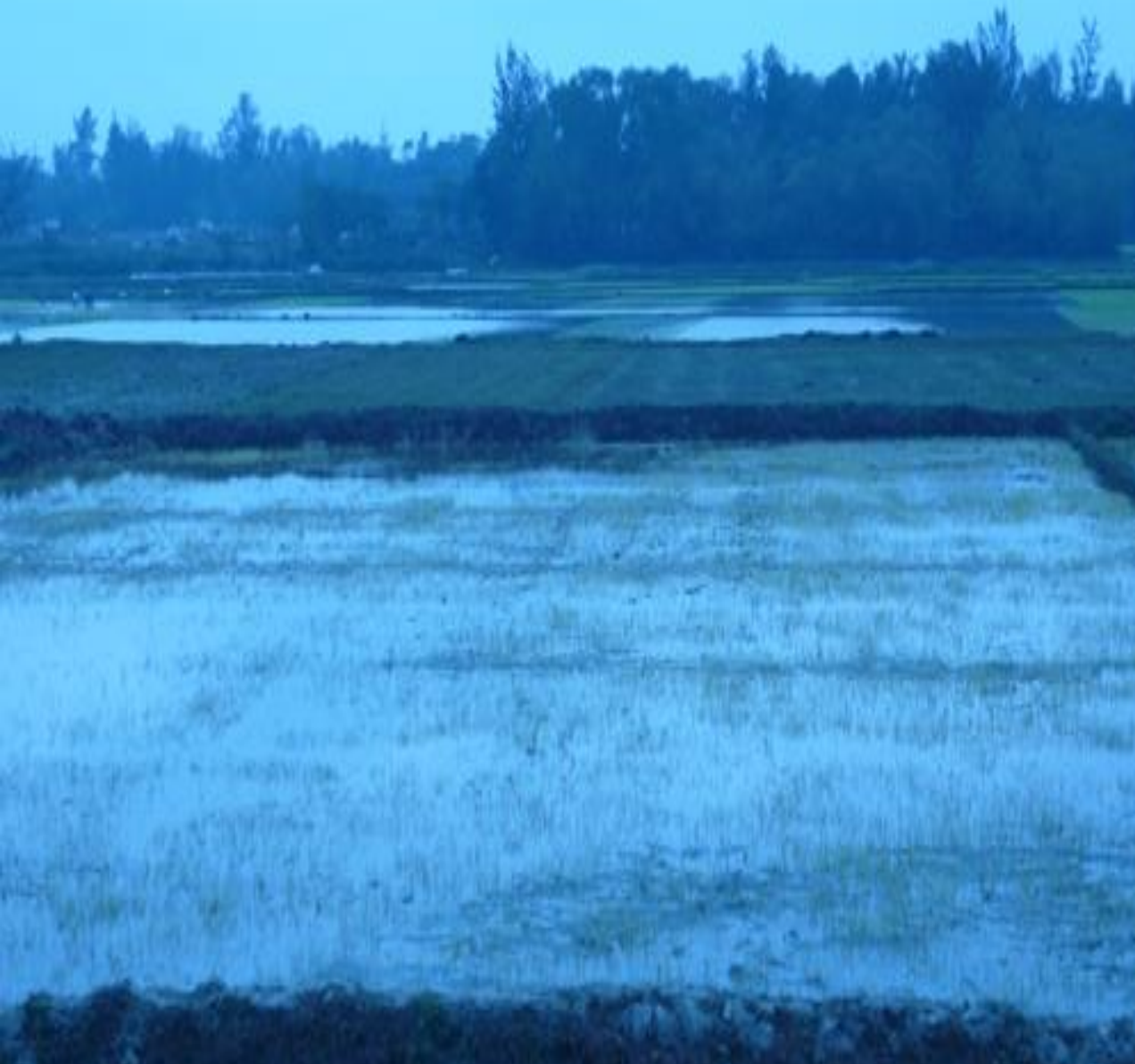


Trung tâm Dự báo
Khí tượng Thủy văn Trung ương

Trung Quốc



Rét đậm, rét hại



Chông rét cho mạ

Theo tin nhanh



MÙA ĐÔNG RẾT HẠI VÀ KHÔ HẠN



*** Khó khăn:** Thiên tai xảy ra bão, lũ lụt, hạn hán, thời tiết thất thường, ít tài nguyên khoáng sản.



MÙA MƯA LŨ LỤT, SẠT LỎ BỜ SÔNG





Bồi đắp đất phù sa và mở rộng diện tích đồng bằng về phía vịnh Bắc Bộ. Cung cấp nước phục vụ trồng trọt, chăn nuôi. Là đường giao thông thủy quan trọng, vừa là nơi phát triển nuôi trồng và đánh bắt thủy sản. Do thủy chế thất thường, hay gây ra lũ lụt đột ngột ảnh hưởng đến tính mạng và tài sản nhân dân trong vùng.





Phải theo dõi dự báo thời tiết để kịp thời đề phòng, ứng phó với thiên tai. Kiểm tra và gia cố đê điều hàng năm, nạo vét và tu sửa các công trình thủy lợi.





Trồng rừng ngập mặn là một trong những biện pháp hữu hiệu nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu...

II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

1. Đặc điểm

- Châu thổ sông Hồng bồi đắp.
- Khí hậu nhiệt đới có mùa đông lạnh.
- Nguồn nước dồi dào.
- Chủ yếu đất phù sa.
- Vịnh Bắc Bộ giàu tiềm năng .

2. Thuận lợi

- Đất phù sa màu mỡ, điều kiện khí hậu, thủy văn thuận lợi cho thâm canh lúa nước.
- Thời tiết có mùa đông lạnh thuận lợi cho việc trồng một số cây ưa lạnh.
- Một số khoáng sản có giá trị đáng kể : đá vôi, than nâu, khí tự nhiên .
- Vùng biển thuận lợi cho nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, du lịch .

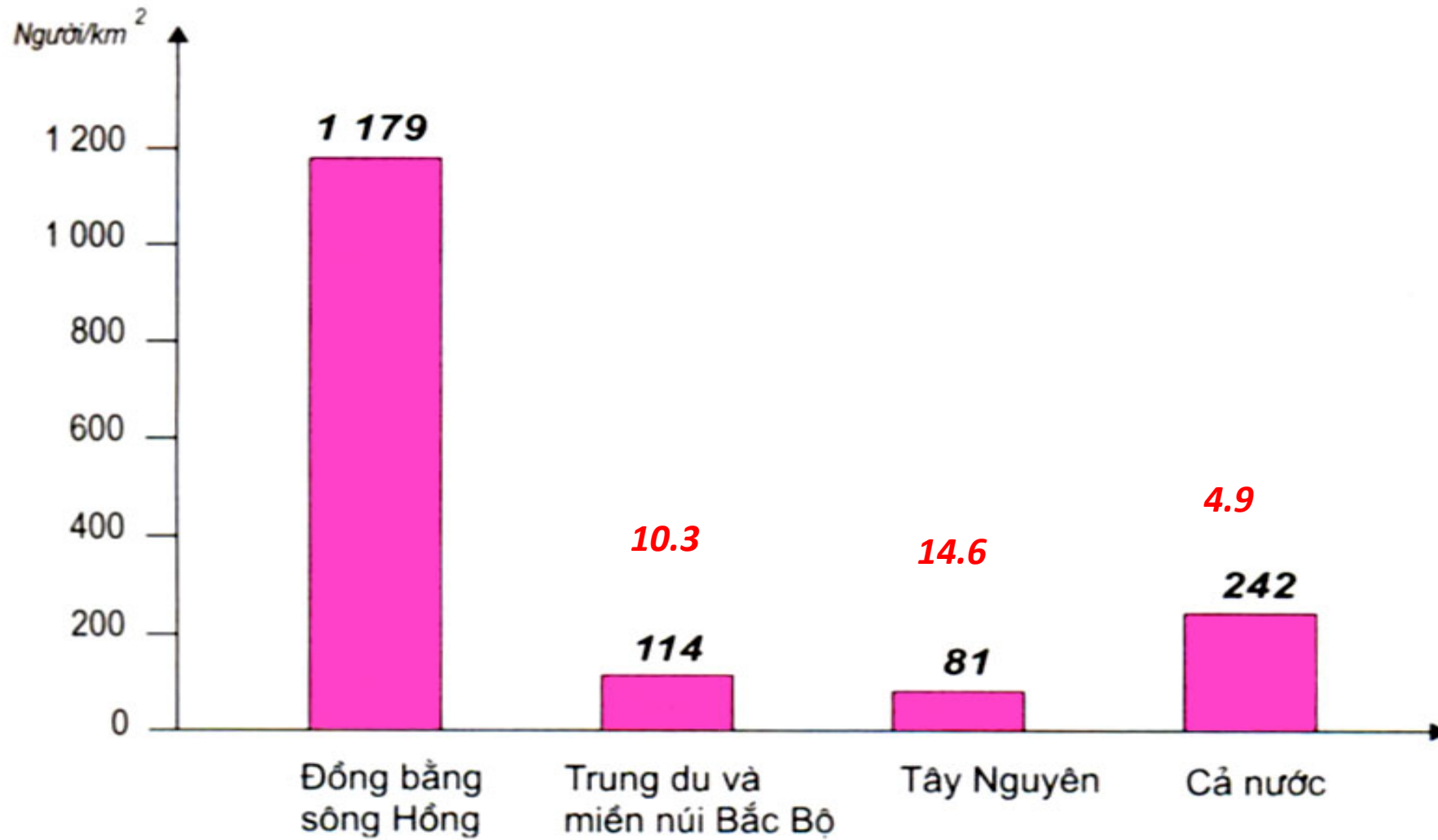
3. Khó khăn

Thiên tai (bão, lũ lụt, thời tiết thất thường) ít tài nguyên khoáng sản .

III. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI (Học sinh tự học)

Tìm hiểu Mục III.

- 1. Đặc điểm**
- 2. Thuận Lợi**
- 3. Khó khăn**



Hình 20.2. Biểu đồ mật độ dân số của Đồng bằng sông Hồng, Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên, cả nước năm 2002.





***Thuận lợi:** Nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ lớn.
Người lao động có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất và có chuyên môn kỹ thuật.



Theo số liệu đến năm 2015 của Tổng cục Thống kê

1. TP HCM có tổng diện tích 2.095,5 km², dân số 8.136,3 nghìn. Như vậy, mật độ dân số ở thành phố này là **3.888 người/km², cao nhất cả nước.**

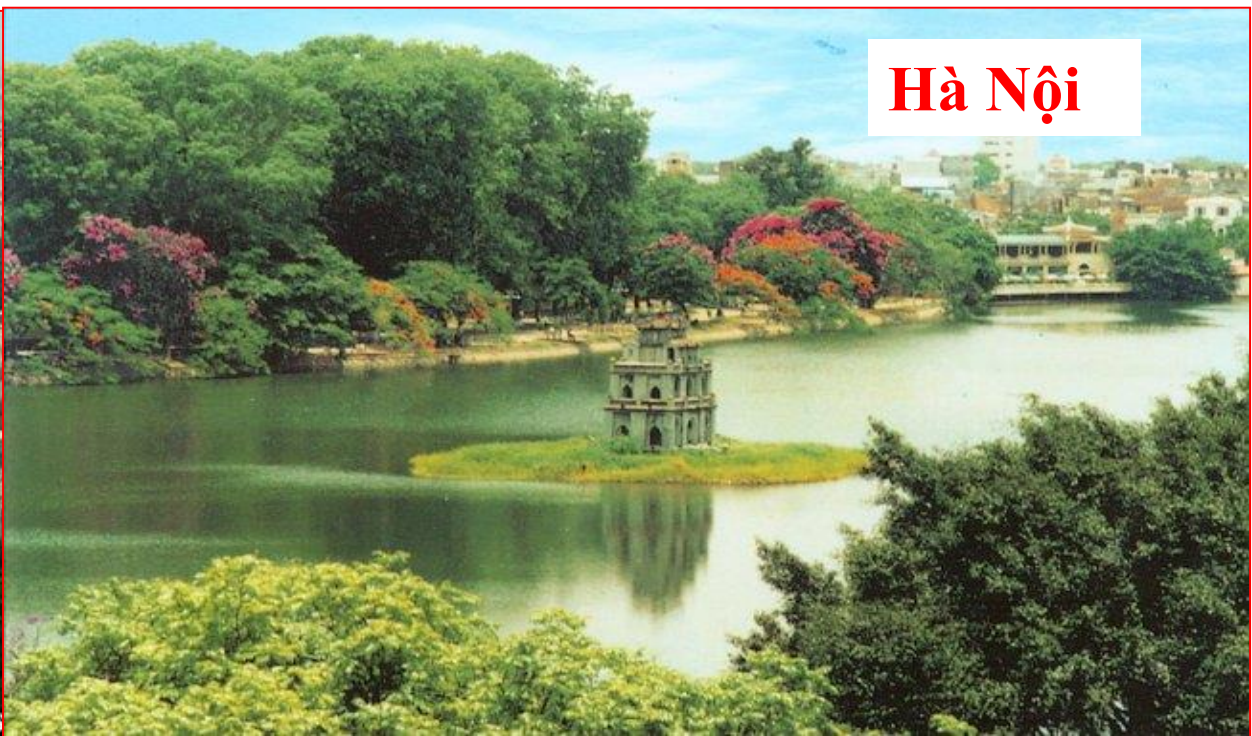
2. Hà Nội có tổng diện tích 3.324,5 km², dân số 7.216 nghìn. Mật độ dân số của Hà Nội là **2.171 người/km², cao thứ hai.**

3. Bắc Ninh có tổng diện tích 822,7 km², dân số 1.154,7 nghìn. Mật độ dân số của Bắc Ninh là **1.404 người/km², cao thứ ba.**

(**[Báo vnexpress.net/giao-duc/tinh-thanh-nao-co-mat-do-dan-so-dong-nhat-viet-nam-3529217-p3.html](http://Báo.vnexpress.net/giao-duc/tinh-thanh-nao-co-mat-do-dan-so-dong-nhat-viet-nam-3529217-p3.html)**).



(c) M. Waibel 3/2006



Hà Nội



Hải Phòng





Hình 7.1. Kênh mương nội đồng đã được kiên cố hóa



Hình 20.3. Một đoạn đê biển ở đồng bằng sông Hồng.



Kết cấu hạ tầng hoàn thiện nhất cả nước.

Nêu tầm quan trọng của hệ thống đê điều ở đồng bằng sông Hồng ?

- Nét đặc sắc của nền văn hóa sông Hồng .**
- Tránh lũ lụt, mở rộng diện tích .**
- Thâm canh tăng vụ trong nông nghiệp, giúp công nghiệp và dịch vụ phát triển .**
- Giữ gìn các di tích và các giá trị văn hóa...**

TỊCH ĐIỀN(VUA ĐI CÀY)



HỘI GIÓNG



CÓ NHIỀU LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG



CHỢI TRÂU-ĐỒ SƠN



CÔN SƠN- KIẾP BẠC



Hoàng thành Thăng Long- Hà Nội



Văn miếu Quốc Tử Giám



Lăng Bác

Ùn tắc giao thông, thiếu việc làm, ô nhiễm môi trường...





**Công ty Miwon và công ty CP giấy Việt Trì
xả thẳng nước thải ra sông Hồng**

III. Đặc điểm dân cư và xã hội

1. Đặc điểm

- Dân số đông, mật độ dân số cao nhất nước 1179 người/km² (2002).
- Nhiều lao động có kĩ thuật.

2. Thuận lợi

- Nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ lớn .
- Người lao động có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất, có chuyên môn kĩ thuật .
- Kết cấu hạ tầng nông hoàn thiện nhất cả nước .
- Có một số đô thị được hình thành từ lâu đời (Hà Nội và Hải Phòng) .

3. Khó khăn

- Sức ép của dân số đông đối với phát triển kinh tế - xã hội.
- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm.

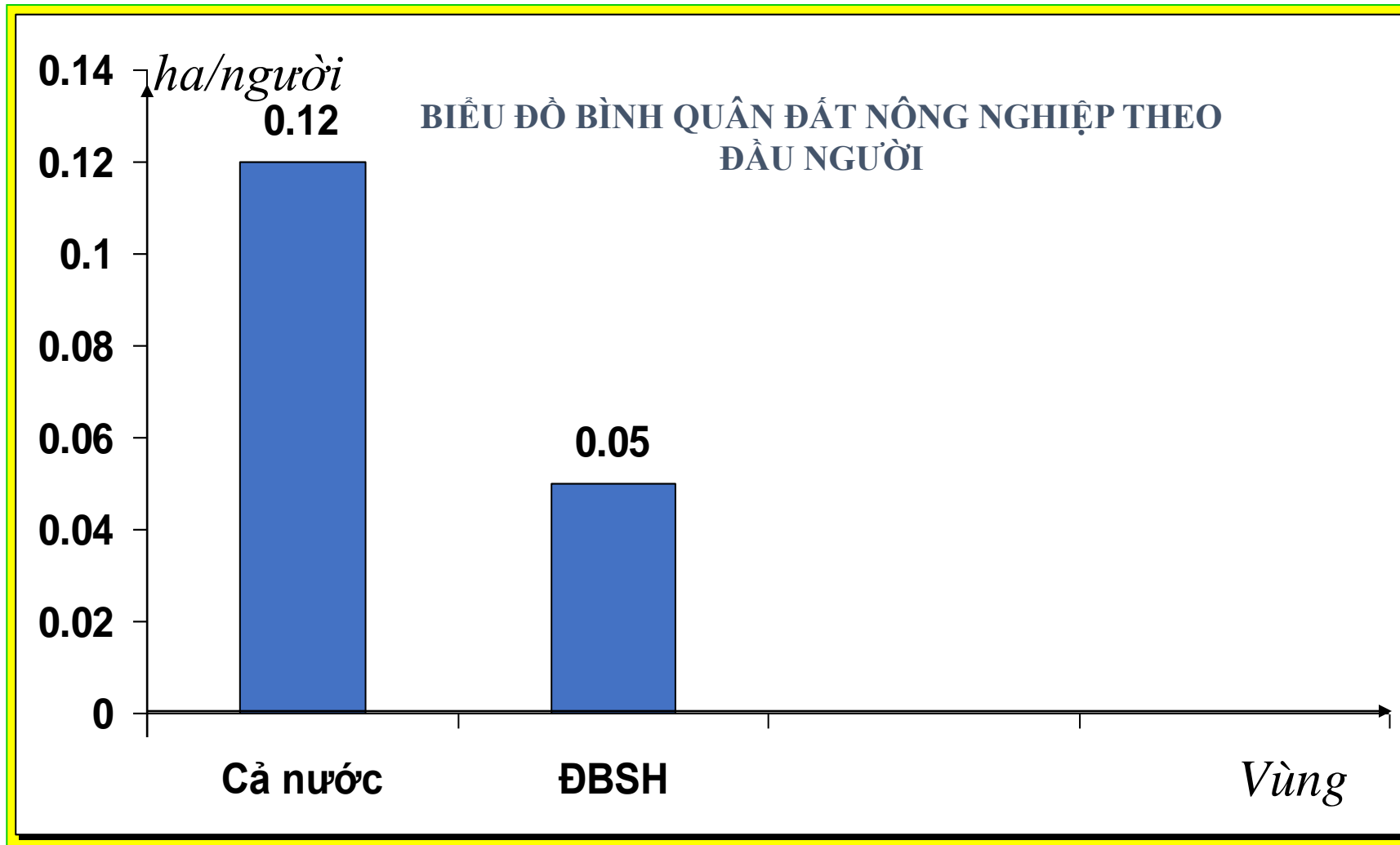
Bài tập 3 SGK trang 75

	Đất nông nghiệp (Nghìn ha)	Dân số (triệu người)
Cả nước	9406,8	79,7
Đồng bằng sông Hồng	855,2	17,5

Vẽ biểu đồ cột thể hiện bình quân đất nông nghiệp theo đầu người ở đồng bằng sông Hồng và cả nước (ha/người). Nhận xét

Hướng dẫn:

$$\text{Bình quân đất (ha/người)} = \frac{\text{Đất nông nghiệp}}{\text{Dân số}}$$



Nhận xét:

- Bình quân đất nông nghiệp theo đầu người của ĐBSH thấp hơn nhiều so với cả nước (dc).
- Điều đó chứng tỏ mật độ dân số ở Đồng bằng sông Hồng rất cao.

Chọn câu đúng nhất

Câu 1. Đồng bằng sông Hồng là đồng bằng châu thổ được bồi đắp bởi phù sa của hệ thống sông

- A. sông Hồng và sông Thái Bình.
- B. sông hồng và sông Đà.
- C. sông Hồng và sông Cầu.
- D. sông Hồng và sông Lục Nam.

Câu 2. Thế mạnh về tự nhiên tạo cho ĐBSH có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông là:

- A. đất phù sa màu mỡ.
- B. Nguồn nước mặt phong phú.
- C. có một mùa đông lạnh.
- D. Địa hình bằng phẳng, có hệ thống đê sông, đê biển.

Câu 3. Đồng bằng sông Hồng tiếp giáp với

- A. Biển Đông.**
- B. Bắc Campuchia.**
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ.**
- D. Đông Nam Lào.**

Câu 4. Tài nguyên khoáng sản có giá trị ở Đồng bằng sông Hồng là:

- A. than nâu, bô xit, sắt, dầu mỏ.**
- B. Đá vôi, sét cao lanh, khí tự nhiên, than nâu.**
- C. Apatit, than nâu, man gan, đồng.**
- D. thiếc, vàng, chì, kẽm.**

Chuẩn bị nội dung bài 21

VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG (tiếp theo)

IV. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ

- 1. Công nghiệp**
- 2. Nông nghiệp**
- 3. Dịch vụ**

V. CÁC TRUNG TÂM KINH TẾ VÀ VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM BẮC BỘ

BÀI TẬP

Câu 1. Đồng bằng sông Hồng là đồng bằng châu thổ được bồi đắp bởi phù sa của hệ thống sông

- A. sông Hồng và sông Thái Bình.
- B. sông Hồng và sông Đà.
- C. sông Hồng và sông Cầu.
- D. sông Hồng và sông Lục Nam.

Câu 2. Thế mạnh về tự nhiên tạo cho ĐBSH có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông là

- A. đất phù sa màu mỡ.
- B. Nguồn nước mặt phong phú.
- C. có một mùa đông lạnh.
- D. Địa hình bằng phẳng, có hệ thống đê sông, đê biển.

Câu 3. Tài nguyên khoáng sản có giá trị ở ĐBSH là

- A. than nâu, bô xit, sắt, dầu mỏ.
- B. Đá vôi, sét cao lanh, khí tự nhiên, than nâu.
- C. apatit, than nâu, man gan, đồng.
- D. thiếc, vàng, chì, kẽm.

Câu 4. Đâu không phải nguyên nhân làm cho đồng bằng sông Hồng đông dân nhất cả nước ?

- A. Đồng bằng sông Hồng có điều kiện tự nhiên thuận lợi.
- B. Đồng bằng sông Hồng có kinh tế phát triển.
- C. Đồng bằng sông Hồng là cái nôi của nền văn minh sông Hồng.
- D. Đồng bằng sông Hồng có diện tích nhỏ hẹp.

Câu 5: Mật độ dân số của đồng bằng sông Hồng năm 2002 là:

- A. 81 người/km² .
- B. 114 người/km².
- C. 1179 người/km².
- D. 242 người/km².

Câu 6. Tỉnh nào sau đây không thuộc đồng bằng sông Hồng ?

A. Bắc Ninh.

B. Bắc Giang.

C. Vĩnh Phúc.

D. Ninh Bình.

Câu 7. Đảo nào sau đây thuộc đồng bằng sông Hồng ?

A. Bạch Long Vĩ.

B. Cồn Cỏ.

C. Lý Sơn.

D. Phú Quý.

Câu 8. Vùng không tiếp giáp với đồng bằng sông Hồng là

A. vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

B. vùng Bắc Trung Bộ.

C. vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.

D. vịnh Bắc Bộ.

Câu 9. Năm 2006, vùng Đồng bằng sông Hồng có diện tích là 15 nghìn km², dân số là 18,3 triệu người. Vậy mật độ dân số của vùng năm 2006 là:

A. 1220 triệu người/ km².

B. 1220 người/ km².

C. 122 người/ km².

D. 122 triệu người/ nghìn km².

Câu 10. Hệ thống đê điều ở đồng bằng sông Hồng có chiều dài hơn:

A. 2000 km.

B. 3000 km.

C. 4000 km.

D. 5000 km.

Câu 11: Đồng bằng sông Hồng tiếp giáp với

- A. Biển Đông.
- B. Bắc Campuchia.
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. Đông Nam Lào.

Câu 12. Đặc điểm nào sau đây không đúng với điều kiện kinh tế - xã hội trong chuyên môn hóa nông nghiệp của vùng đồng bằng sông Hồng?

- A. Có các cơ sở chế biến vừa và nhỏ
- B. Mạng lưới đô thị dày đặc
- C. Mật độ dân số cao nhất cả nước
- D. Dân số có kinh nghiệm thâm canh lúa nước.